

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn
nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 20/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Văn bản 5743/BKHĐT-TH ngày 14/8/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; Thông báo số 93/TB-TU ngày 28/4/2021 kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về định hướng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ và ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 29/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 về việc cho ý kiến lần thứ 2 đối với Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; số 70/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của HĐND tỉnh về việc thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ giai đoạn 2021-2025 (lần 3); số 91/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

UBND tỉnh kính trình kỳ họp thứ 4 - HĐND tỉnh khóa VIII thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, cụ thể như sau:

Phần 1. MỘT SỐ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SO VỚI DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH CHO Ý KIẾN:

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 của HĐND tỉnh về việc cho ý kiến lần thứ 2 đối với Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; UBND tỉnh đã ban hành Báo cáo số 76/BC-UBND ngày 12/5/2021 về dự kiến

kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW hỗ trợ và vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (lần 2);

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 23/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông báo số 142/TB-VPCP ngày 01/6/2021 của Văn phòng Chính phủ, Công điện số 04/CĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 và văn bản thẩm định số 3711/BKHĐT-KTĐPLT ngày 15/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 về việc thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ giai đoạn 2021-2025 (lần 3);

Trên cơ sở đó, kế hoạch đầu tư trung hạn vốn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 phải sắp xếp lại, một số dự án không bố trí từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, phải chuyển sang dự kiến từ nguồn vốn ngân sách địa phương; đồng thời, quá trình triển khai thực hiện xuất hiện nhu cầu cần thiết, cấp bách phải điều chỉnh, bổ sung. Do đó, dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương có một số điều chỉnh, bổ sung so với phương án dự kiến đã được HĐND tỉnh cho ý kiến tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 và UBND tỉnh báo cáo tại Báo cáo số 76/BC-UBND ngày 12/5/2021, cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn ngân sách cân đối theo tiêu chí đầu tư lĩnh vực giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp:

- Điều chỉnh giảm 24 dự án khởi công mới còn 10 dự án do hợp nhất 17 dự án giáo dục dự kiến từ nguồn NSĐP cân đối theo tiêu chí thành 02 dự án và bổ sung 01 dự án (Cải tạo nhà học đa năng Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị)

- Điều chỉnh nội bộ số vốn dự kiến kế hoạch 2021- 2025 giữa các dự án giáo dục theo nhu cầu thực tế, đảm bảo không làm thay đổi tổng nguồn vốn dự kiến của lĩnh vực đã được HĐND tỉnh cho ý kiến.

- Phân bổ chi tiết danh mục dự án thuộc chương trình phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tỉnh (Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019).

2. Nguồn vốn ngân sách cân đối theo tiêu chí phân cấp tỉnh quản lý:

- Hợp nhất 02 dự án y tế thành 01 dự án¹, đảm bảo không làm thay đổi dự kiến kế hoạch 2021-2025 của dự án y tế đã được HĐND tỉnh cho ý kiến;

- Điều chỉnh tên, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn trong tổng mức đầu tư của 05 dự án² phù hợp với các Nghị quyết chủ trương đầu tư đã được HĐND cấp huyện phê duyệt, đảm bảo không làm thay đổi dự kiến kế hoạch 2021-2025 của các dự án đã được HĐND tỉnh cho ý kiến;

¹ Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện

² Hệ thống tuyến ống dẫn nước thải cụm công nghiệp Diên Sanh; Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Chánh; Hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp Hải Lệ, thị xã Quảng Trị (giai đoạn 1); Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Cam Thành, huyện Cam Lộ; Trụ sở UBND xã Triệu Nguyên huyện Đakrông

- Đối với các dự án chưa đủ điều kiện giao kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (gồm 03 dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư³ và 02 dự án⁴ thực hiện việc sắp xếp trụ sở làm việc của các cơ quan cấp tỉnh): Chưa dự kiến chi tiết mức vốn như tại Báo cáo số 76/BC-UBND và đưa vào nhóm “HĐND tỉnh giao khi đủ điều kiện” với kế hoạch 92,748 tỷ đồng.

3. Nguồn vốn đầu giá quyền sử dụng đất:

- Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn trong tổng mức đầu tư của 01 dự án⁵ phù hợp với chủ trương đầu tư, đảm bảo không làm thay đổi dự kiến kế hoạch 2021-2025 của dự án đã được HĐND tỉnh cho ý kiến;

- Điều chỉnh tên dự án Đường kết nối điểm du lịch thác Ba Vòi thành Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông;

- Điều chỉnh giảm 24 tỷ đồng của các dự án: (1) Tạo quỹ đất sạch để đầu giá các khu đất công cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê đất (05 tỷ đồng) để bổ sung cho dự án cấp bách hơn; (2) Đường Lê Thánh Tông, thành phố Đông Hà (đoạn Lê Lợi - Hùng Vương) (05 tỷ đồng) nhằm phù hợp với Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư của HĐND thành phố; (3) nhóm các dự án chưa đủ điều kiện giao kế hoạch 2021-2025 (14 tỷ đồng) để bổ sung vốn cho các dự án có nhu cầu cấp bách, cần thiết của tỉnh.

- Bổ sung 24 tỷ đồng cho 02 dự án là: (1) Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (15 tỷ đồng); (2) Nâng cấp mở rộng bãi rác trung tâm huyện Triệu Phong (09 tỷ đồng).

- Đối ứng các dự án ODA và các dự án chưa đủ điều kiện giao kế hoạch trung hạn (gồm 06 dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư⁶): không dự kiến chi tiết mức vốn như tại Báo cáo số 76/BC-UBND và đưa vào nhóm “HĐND tỉnh giao khi đủ điều kiện” với kế hoạch 349,365 tỷ đồng⁷; trong đó có một số dự án thay đổi so với dự kiến đã được HĐND tỉnh cho ý kiến: (1) Điều chỉnh tên dự án Đường nối từ đường Bà Triệu (tại nút giao đường đầu cầu sông Hiếu) đến đường Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà thành Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu; (2) Bổ sung dự án Cầu tràn vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa.

4. Nguồn vốn xổ số kiến thiết:

³ Xây dựng điểm cơ sở A11 theo đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải trên vùng biển Việt Nam; Hệ thống công sở các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh; Sửa chữa trụ sở làm việc chi nhánh Văn phòng đất đai các huyện.

⁴ Trụ sở Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh; Hội trường Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh

⁵ Xây dựng lò đốt chất thải rắn sinh hoạt khu vực nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn và vùng lân cận

⁶ Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu; Tăng cường năng lực cấp nước sinh hoạt mùa hạn cho thành phố Đông Hà; Đầu tư nâng cấp, cải tạo một số trụ sở cấp xã; Nhà thiếu nhi tỉnh; Đường dân sinh kết nối khu phố 3 và khu phố 4, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà; Cầu tràn Km12+771 đường tỉnh 586

⁷ Cụ thể: nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất ở 106 tỷ đồng và nguồn thu từ đầu giá, đầu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng 243,365 tỷ đồng

- Điều chỉnh tên, tổng mức đầu tư của 04 dự án⁸ phù hợp với các Nghị quyết chủ trương đầu tư được phê duyệt, đảm bảo không làm thay đổi dự kiến kế hoạch 2021-2025 của các dự án đã được HĐND tỉnh cho ý kiến;

- Điều chỉnh giảm 14 dự án y tế khởi công mới còn 03 dự án do hợp nhất 12 dự án y tế thành 01 dự án;

- Bổ sung dự án Sửa chữa, nâng cấp công viên Lê Duẩn;

- Điều chỉnh nội bộ số vốn dự kiến kế hoạch 2021- 2025 giữa các dự án theo nhu cầu thực tế, đảm bảo không làm thay đổi dự kiến tổng nguồn vốn xố số kiến thiết đã được HĐND tỉnh cho ý kiến.

- Bổ sung vốn và hạng mục của 01 dự án y tế⁹ từ dự án Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện chuyên khoa Lao và Bệnh phổi nhằm kịp thời điều trị khẩn cấp cho bệnh nhân COVID.

(Chi tiết điều chỉnh, bổ sung như biểu đính kèm)

Phần 2. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025.

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG VÀ NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ:

1. Quan điểm, mục tiêu và định hướng:

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII với quyết tâm "Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao và năm 2030 thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước".

- Ưu tiên tập trung đầu tư cho các dự án quan trọng, có tác động liên vùng, tạo đột phá và động lực phát triển gắn với giải quyết hài hòa nhu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Nguồn vốn đầu tư công trung hạn giữ vai trò chủ đạo, có tính chất là vốn mồi để thu hút hiệu quả các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động thêm nhiều hơn các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước, đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực.

- Lòng ghép các nguồn vốn do tỉnh quản lý để phát huy hiệu quả đầu tư, bảo đảm hoàn thành, sớm đưa các công trình, dự án vào khai thác, sử dụng.

- Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương; tích cực, chủ động tăng thu, tiết kiệm chi để bổ sung thêm nguồn vốn đầu tư phát triển cho tỉnh.

2. Nguyên tắc phân bổ:

⁸ Trường Cao đẳng kỹ thuật tỉnh Quảng Trị; Hạng mục: xây mới giảng đường đa năng, cải tạo và mở rộng nhà hiệu bộ, cải tạo khối phòng học; Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Cam Lộ; Sân vận động huyện Đakrông (giai đoạn 1); Sân vận động huyện Hải Lăng

⁹ Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện chuyên khoa Lao và Bệnh phổi; hạng mục: Xây mới khoa điều trị dịch bệnh nguy hiểm, nhà cầu nổi và cải tạo sửa chữa một số hạng mục khác

2.1. Nguyên tắc chung:

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2021-2025 quy định tại Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh.

- Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công của tỉnh.

- Bảo đảm bố trí vốn tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải; sử dụng hiệu quả vốn đầu tư; sát thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Bảo đảm quản lý nguồn lực đầu tư công tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; Đồng thời, thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo chủ động và phát huy trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong quản lý, điều hành và thực hiện các công trình, dự án đầu tư.

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công, góp phần tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2.2. Thứ tự ưu tiên trong bố trí vốn đầu tư công:

- Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có), quyết toán công trình hoàn thành.

- Phân bổ đủ vốn để hoàn trả các khoản ứng trước ngân sách địa phương.

- Phân bổ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch.

- Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án.

- Phân bổ vốn để thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư; khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn; hỗ trợ phát triển hợp tác xã và kinh tế tập thể,...

- Phân bổ vốn cho các dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

II. VỀ DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN VÀ DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:

1. Về tổng nguồn vốn:

1.1. Trung ương thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 cho tỉnh là 5.540,5 tỷ đồng; trong đó: Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí: 2.232,9 tỷ đồng; Nguồn thu sử

dụng đất: 3.000 tỷ đồng; Nguồn thu xổ số kiến thiết: 200 tỷ đồng; Bội chi ngân sách địa phương: 107,6 tỷ đồng.

1.2. Tình dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 là 7.940,5 tỷ đồng, bằng 143% kế hoạch Trung ương giao; trong đó: Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí: 2.232,9 tỷ đồng; Nguồn thu sử dụng đất: 5.400 tỷ đồng; Nguồn thu xổ số kiến thiết: 200 tỷ đồng; Bội chi ngân sách địa phương: 107,6 tỷ đồng.

Như vậy, so với kế hoạch Trung ương thông báo, nguồn vốn ngân sách địa phương dự kiến tăng 2.400 tỷ đồng (43%) từ nguồn thu sử dụng đất.

2. Dự kiến phương án phân bổ các nguồn vốn:

2.1. Nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí:

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2021-2025, dự kiến:

2.1.1. Đầu tư các lĩnh vực Quốc hội quy định (giáo dục - đào tạo): dự kiến 446,5 tỷ đồng, chiếm 20% tổng vốn; trong đó:

- Dự kiến cấp tỉnh quản lý là 267,9 tỷ đồng (chiếm 60%); cụ thể:

+ Thực hiện hoàn thành các dự án giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025 với số vốn 47,94 tỷ đồng;

+ Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025 với số vốn 219,96 tỷ đồng. Dự kiến bố trí cho các công trình trường THPT để đảm bảo đạt chuẩn theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó ưu tiên cho các huyện đăng ký về đích nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Dự kiến cấp huyện quản lý là 178,6 tỷ đồng (chiếm 40%): Căn cứ số điểm theo tiêu chí được quy định tại Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh để phân bổ cho các huyện. Riêng huyện đảo Côn Cỏ không có nhu cầu nên mức vốn bố trí cho huyện đảo được phân bổ tăng thêm cho 2 địa phương có mức vốn phân bổ thấp là thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị.

2.1.2. Đầu tư các lĩnh vực Quốc hội quy định (khoa học - công nghệ): dự kiến 44,65 tỷ đồng, chiếm 2% tổng vốn.

2.1.3. Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD - ĐT và KH-CN): dự kiến 536,48 tỷ đồng; trong đó:

- Nhiệm vụ quy hoạch: dự kiến 100 tỷ đồng;

- Ưu đãi đầu tư: dự kiến 10 tỷ đồng.

- Đối ứng cho các dự án ODA thuộc trách nhiệm địa phương dự kiến 426,48 tỷ đồng¹⁰;

2.1.4. Đầu tư theo phân cấp quản lý: số vốn còn lại 981,98 tỷ đồng đầu tư theo ngành, lĩnh vực, trong đó:

¹⁰ Trong đó: dự kiến 276,48 tỷ đồng để hoàn thành các dự án đang thực hiện theo quyết định đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến 150 tỷ đồng cho các dự án ODA mới và sẽ trình HĐND tỉnh giao danh mục chi tiết khi đảm bảo đủ điều kiện giao vốn

- Phân cấp tỉnh quản lý 589,188 tỷ đồng (chiếm 60%), dự kiến:

+ Hoàn trả ứng trước ngân sách tỉnh: 4,86 tỷ đồng;

+ Chuẩn bị đầu tư: 20 tỷ đồng;

+ Quyết toán dự án hoàn thành: 98 tỷ đồng¹¹;

+ Đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 373,58 tỷ đồng, cụ thể: (1) Đầu tư hoàn thành các dự án thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025 là 75,58 tỷ đồng; (2) Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025 là 282 tỷ đồng; (3) Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn là 04 tỷ đồng; (4) Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại là 12 tỷ đồng.

+ HĐND tỉnh giao thực hiện một số dự án khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật: 92,748 tỷ đồng.

- Phân cấp huyện, thành phố, thị xã quản lý 392,792 tỷ đồng (chiếm 40%): phân bổ cho các huyện, thành phố, thị xã theo số điểm được quy định tại Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025.

2.2. Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

2.2.1. Phần vốn do cấp tỉnh quản lý: 3.300 tỷ đồng; trong đó:

a) Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở (do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện): dự kiến 2.250 tỷ đồng; cụ thể:

- Dự kiến dành 337,5 tỷ đồng (chiếm 15%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất.

- Các công trình phát triển quỹ đất dự kiến 1.057,5 tỷ đồng (chiếm 47% tổng vốn);

- Các công trình khác của tỉnh dự kiến 855 tỷ đồng (chiếm 38% tổng vốn); trong đó: nhóm các dự án HĐND tỉnh giao khi đủ điều kiện là 106 tỷ đồng.

b) Nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng: dự kiến 1.030 tỷ đồng.

- Dự kiến dành 154,5 tỷ đồng (chiếm 15%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất;

- Số còn lại 875,5 tỷ đồng, bố trí cho các dự án tạo quỹ đất và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trong đó, nhóm các dự án HĐND tỉnh giao khi đủ điều kiện là 243,365 tỷ đồng bao gồm kế hoạch đối ứng cho các dự án ODA của tỉnh.

c) Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất ở Khu kinh tế TMĐB Lao Bảo: dự kiến 20 tỷ đồng.

¹¹ Trong đó dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn, kè chống xói lở, phòng chống lụt bão và phát triển kinh tế khu vực hai bên bờ sông Thạch Hãn đoạn từ thượng lưu cầu Thạch Hãn đến đập Trám 44 tỷ đồng.

- Dự kiến dành 3 tỷ đồng (chiếm 15%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất;

- Số vốn còn lại 17 tỷ đồng dự kiến phân bổ thực hiện các dự án thuộc Khu kinh tế TMĐB Lao Bảo và Khu công nghiệp Quán Ngang.

2.2.2. Phần vốn do cấp huyện quản lý: 2.100 tỷ đồng giao các huyện, thành phố, thị xã chủ động phân bổ theo đúng quy định.

2.3. Nguồn vốn đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 20/7/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước giai 2021 - 2023 (trong đó quy định: nguồn vốn XSKT bố trí tối thiểu 60% cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế; bố trí tối thiểu 10% cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới); Kế hoạch vốn XSKT 2021-2025 được phân bổ cụ thể như sau:

- Phân bổ cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế là 140,5 tỷ đồng, chiếm 70,25%;

- Phân bổ cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 30 tỷ đồng, chiếm 15%.

Theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII phấn đấu trong giai 2021 - 2025 có thêm 3 huyện đạt tiêu chí NTM (không xác định cụ thể huyện), nhưng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các huyện (Vĩnh Linh, Gio Linh, Hải Lăng, Triệu Phong) đều đặt ra mục tiêu huyện đạt tiêu chí NTM. Do đó, nguồn vốn XSKT phân bổ cho 4 huyện với mức 7,5 tỷ đồng/huyện.

- Phần vốn XSKT còn lại là 29,5 tỷ đồng bố trí cho các công trình phúc lợi xã hội và công trình công cộng.

(Có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh đính kèm theo)

UBND tỉnh kính trình kỳ họp thứ 4 - HĐND tỉnh khóa VIII xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. *nh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Tờ trình số 186/TT-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Trị)



TT	Danh mục dự án	TMDT		Dự kiến KH 2021-2025	Danh mục dự án	TMDT		Dự kiến KH 2021-2025	Lý do
		Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP		
THEO BẢO CẢO SỐ 76/BC-UBND NGÀY 12/5/2021									
NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG									
A	NGÂN SÁCH CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ			305.810				305.810	
1	Giáo dục - Đào tạo			195.062				195.062	
1	Bổ trí vốn quyết toán			5.000	Bổ trí vốn quyết toán			1.000	Giảm vốn để bổ sung cho các công trình khởi công mới
1	Hội trường Sở Giáo dục và Đào tạo			1.340	Hội trường Sở Giáo dục và Đào tạo			1.305	Công trình hoàn thành
2	Trường THPT Cửa Việt, huyện Gio Linh			12.908	Trường THPT Cửa Việt, huyện Gio Linh			12.244	Công trình hoàn thành
3	Nâng cấp và xây mới trường Mầm non Sao Mai, Đông Hà			1.000	Nâng cấp và xây mới trường Mầm non Sao Mai, Đông Hà			964	Công trình hoàn thành
4	Trường THPT Nguyễn Huệ, Thị xã Quảng Trị			2.000	Trường THPT Nguyễn Huệ, Thị xã Quảng Trị			1.389	Công trình hoàn thành
5	Trang thiết bị dạy học trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn			5.000	Trang thiết bị dạy học trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn			4.000	Giảm vốn để bổ sung cho các công trình khởi công mới
6	Trường THPT Triệu Phong, Hàng mục: Nhà chức năng và các hàng mục phụ trợ	4.500	4.500	4.500	Trường THPT Triệu Phong; hàng mục Nhà chức năng, nhà học lý thuyết và thực hành	10.000	8.000	8.000	Tăng vốn đảm bảo trường đạt chuẩn
7					Cải tạo nhà học đa năng Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị	3.550	3.550	3.550	Nhu cầu cấp bách
8	Trường Cao đẳng Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị, Hàng mục: xây mới Giảng đường đa năng	14.614	14.614	14.614	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị, Hàng mục: Xây mới Giảng đường đa năng; Cải tạo và mở rộng Nhà hiệu bộ, Cải tạo Khố phòng học	24.414	19.214	19.214	Hợp nhất thành 01 dự án theo Chi thị 13/CT-TTg ngày 23/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản số 3661/BKHĐT-TH ngày 14/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
9	Trường Cao đẳng Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị, Hàng mục: Cải tạo khối phòng học	6.500	6.500	6.500					
10	Trường THPT Hải Lăng, Hàng mục: Nhà Đa chức năng và nhà hiệu bộ	8.500	8.500	8.500	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	104.896	104.896	104.896	Hợp nhất thành 01 dự án theo Chi thị 13/CT-TTg ngày 23/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản số

TT	THEO BÁO CÁO SỐ 76/BC-UBND NGÀY 12/5/2021				NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG				Lý do
	Tên dự án	TMDT		Dự kiến KH 2021-2025	Tên dự án	TMDT		Dự kiến KH 2021-2025	
		Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP		
11	Trường THPT Vĩnh Linh, Hàng mục: Nhà Đa chức năng và các hàng mục phụ trợ	5.500	5.500	5.500					3661/BKHĐT-TH ngày 14/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
12	Trường THPT Chu Văn An, Hàng mục: Nhà đa năng và các hàng mục phụ trợ	6.000	5.500	5.500					
13	Trường THPT Vĩnh Định, Hàng mục: Nhà Đa chức năng và các hàng mục phụ trợ	5.500	5.500	5.500					
14	Trường THCS&THPT Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, Hàng mục: Nhà đa chức năng	4.500	4.500	4.500					
15	Trường THPT A Túc, Hàng mục: Nhà học thực hành	8.000	8.000	8.000					
16	Trường THPT Hướng Phùng, Hàng mục: Nhà học thực hành	8.000	8.000	8.000					
17	Trường THPT Lao Bảo, Hàng mục: Nhà đa chức năng	7.000	7.000	7.000					
18	Nhà Hiệu bộ và các hàng mục phụ trợ Trường THPT Trần Thị Tâm	6.000	6.000	6.000					
19	Nhà Đa chức năng Trường THPT Nguyễn Huệ	4.500	4.500	4.500					
20	Trường THCS&THPT Bến Hải, Hàng mục: Nhà đa chức năng	4.500	4.500	4.500					
21	Nhà học Trường Trẻ em khuyết tật tỉnh	7.000	7.000	7.000					
22	Trường THPT Dakrông, Hàng mục: Nhà hiệu bộ và các hàng mục phụ trợ	6.000	6.000	6.000					
23	Nhà học thực hành và các hàng mục phụ trợ Trường THPT Lê Lợi	7.700	7.700	7.700					

THEO BÁO CÁO SỐ 76/BC-UBND NGÀY 12/5/2021				NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG				Lý do	
TT	Danhs mục dự án	TMDT		Dự kiến KH 2021-2025	Danhs mục dự án	TMDT			
		Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP		
24	Nhà thư viện và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Chế Lan Viên	4.000	4.000	4.000					
25	Phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tỉnh (NQ số 19/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019)	50.000	50.000	50.000	Hỗ trợ phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú	45.300	38.500	38.500	Phân bổ chi tiết theo đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo
					Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Nhà nội trú	11.000	9.000	9.000	
					Trường PTDT bán trú Tiểu học Vĩnh Hà; Hạng mục: Nhà 2 tầng, 6 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	5.500	5.000	5.000	
					Trường PTDT Nội trú Gio Linh; hạng mục: xây mới nhà ở nội trú, cải tạo sửa chữa nhà học 2 tầng và chỉnh trang khuôn viên	13.500	11.500	11.500	
					Trường PTDT BT TH&THCS Hương Lập, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	6.000	5.000	5.000	
					Trường PTDT BT TH&THCS Ba Tầng, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	6.000	5.000	5.000	
					Trường PTDTBT THCS Tà Long, hạng mục: Nhà hiệu bộ	3.300	3.000	3.000	
II	Phân cấp do cấp tỉnh quản lý			110.748				110.748	
1	Khu nhà kỹ thuật và cải tạo sửa chữa các khoa phòng Bệnh viện Mắt	12.000	12.000	9.000	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh	74.500	18.000	18.000	Hợp nhất thành 01 dự án theo Chỉ thị 13/CT-TTg ngày 23/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản số 3661/BKHĐT-TH ngày 14/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Trung tâm y tế huyện Hải Lăng, Hạng mục: Khu điều trị Khoa Nội nhiêm khuôn	9.000	9.000	9.000					

THEO BÁO CÁO SỐ 76/BC-UBND NGÀY 12/5/2021				NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG					
TT	Danhs mục dự án	TMDT		Dự kiến KH 2021-2025	Danhs mục dự án	TMDT		Dự kiến KH 2021-2025	Lý do
		Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP		
3	Hệ thống tuyến ống dẫn nước thải cụm công nghiệp Diên Sanh	10.000			Hệ thống tuyến ống dẫn nước thải cụm công nghiệp Diên Sanh	13.500			Thay đổi TMDT phù hợp với Nghị quyết phê duyệt CTDT của huyện
4	Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Chánh		12.000		Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Chánh		10.000		Thay đổi cơ cấu TMDT phù hợp với Nghị quyết phê duyệt CTDT của huyện
5	Hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp Hải Lệ, thị xã Quảng Trị	9.000	8.000		Hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp Hải Lệ, thị xã Quảng Trị (giai đoạn 1)	4.290	3.000		Thay đổi tên phù hợp với Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 28/9/2010 của UBND tỉnh công nhận và đổi tên các CCN trên địa bàn
6	Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Tân Định, huyện Cam Lộ				Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Cam Thành, huyện Cam Lộ				Thay đổi tên phù hợp với Nghị quyết phê duyệt CTDT của huyện
7	Sửa chữa nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, UBND, UBND xã Triệu Nguyên				Trụ sở UBND xã Triệu Nguyên huyện Đakrông				Không dự kiến chi tiết mức vốn và đưa vào nhóm HDND giao khi đủ điều kiện do chưa có căn cứ thẩm định nguồn vốn
8	Xây dựng diêm cơ sở A11 theo đường cơ sở đề tính chiều rộng lãnh hải trên vùng biển Việt Nam			30.000					Không dự kiến chi tiết mức vốn và đưa vào nhóm HDND giao khi đủ điều kiện do chưa hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt CTDT
9	Đề án Hệ thống công sở các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh			33.895					Không dự kiến chi tiết mức vốn và đưa vào nhóm HDND giao khi đủ điều kiện do thực hiện sửa đổi Đề án tăng cường khai thác, sử dụng hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh
10	Sửa chữa trụ sở làm việc chi nhánh Văn phòng đất đai các huyện			4.875					Không dự kiến chi tiết mức vốn và đưa vào nhóm HDND giao khi đủ điều kiện do thực hiện sắp xếp trụ sở cấp tỉnh
11	Trụ sở Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh			13.978					

THEO BÁO CÁO SỐ 76/BC-UBND NGÀY 12/5/2021				NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG					
TT	Danh mục dự án	TMDT		Dự kiến KH 2021-2025	Danh mục dự án	TMDT		Dự kiến KH 2021-2025	Lý do
		Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP		
12	Hội trường Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh			10.000				92.748	Không dự kiến chi tiết mức vốn và đưa vào nhóm HDND giao khi đủ điều kiện do thực hiện sắp xếp trụ sở cấp tỉnh
13									
-									
-									
-									
-									
-									
-									
B	ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT			448.365				448.365	
1	Xây dựng lò đốt chất thải rắn sinh hoạt khu vực nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn và vùng lân cận	8.000	8.000		8.418	4.000			Điều chỉnh cơ cấu vốn phù hợp với kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025
2	Đường kết nối điểm du lịch thác Ba Voi								Điều chỉnh tên dự án
3	Tạo quỹ đất sạch để đầu tư các khu đất công cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê đất	30.000	30.000	5.000	0	0	0	0	Cắt giảm để bổ sung cho dự án cấp bách hơn
4	Đường Lê Thánh Tông, thành phố Đông Hà (đoạn Lê Lợi - Hùng Vương)	80.000	80.000	80.000	80.000	75.000	75.000	75.000	Giảm vốn ngân sách tỉnh phù hợp với Nghị quyết phê duyệt CTĐT của thành phố Đông Hà
5								15.000	Chuyển Dự án này dự kiến từ nguồn vốn NSTW sang nguồn vốn NSDP
6								9.000	Nhu cầu cấp bách cần được đầu tư để hoàn thành chi tiêu nông thôn mới

THEO BÁO CÁO SỐ 76/BC-UBND NGÀY 12/5/2021				NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG					
TT	Danh mục dự án	TMDT		Dự kiến KH 2021-2025	Danh mục dự án	TMDT		Dự kiến KH 2021-2025	Lý do
		Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP		
7	Đường nối từ đường Bà Triệu (Tải nút giao đường đầu cầu sông Hiếu) đến đường Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà	75.000	75.000	75.000					Không dự kiến chi tiết mức vốn và đưa vào nhóm HDND giao khi đủ điều kiện do chưa hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt CTBT
8	Tăng cường năng lực cấp nước sinh hoạt mùa hạn cho thành phố Đông Hà	26.000	26.000	26.000					Không dự kiến chi tiết mức vốn và đưa vào nhóm HDND giao khi đủ điều kiện do chưa hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt CTBT
9	Đổi ứng các dự án ODA			176.565					Không dự kiến chi tiết mức vốn và đưa vào nhóm HDND giao khi đủ điều kiện
10	Đề án đầu tư nâng cấp, cải tạo một số trụ sở cấp xã	40.800	40.800	40.800					Không dự kiến chi tiết mức vốn và đưa vào nhóm HDND giao khi đủ điều kiện do chưa hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt CTBT
11	Nhà thiếu nhi tỉnh	30.000	30.000	30.000					Không dự kiến chi tiết mức vốn và đưa vào nhóm HDND giao khi đủ điều kiện do chưa hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt CTBT
12	Đường dân sinh kết nối khu phố 3 và khu phố 4, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà	15.000	15.000	15.000					Điều chỉnh tên dự án Đường nối từ đường Bà Triệu (Tải nút giao đường đầu cầu sông Hiếu) đến đường Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà
13					HDND tỉnh giao khi đủ điều kiện			349.365	
-					Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu				
-					Tăng cường năng lực cấp nước sinh hoạt mùa hạn cho thành phố Đông Hà				
-					Đổi ứng các dự án ODA				

THEO BÁO CÁO SỐ 76/BC-UBND NGÀY 12/5/2021				NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG				Lý do
TT	Danhs mục dự án	TMDT		Dự kiến KH 2021-2025	Danhs mục dự án	TMDT		
		Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP	
-					Đầu tư nâng cấp, cải tạo một số trụ sở cấp xã			
-					Nhà thiếu nhi tỉnh			
-					Đường dân sinh kết nối khu phố 3 và khu phố 4, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà			
-					Cầu trần Km12+771 đường tỉnh 586			Bổ sung danh mục nhằm thực hiện nhu cầu cấp bách của tỉnh
C	XỔ SỐ KIẾN THIẾT			100.450			100.450	
I	Giáo dục đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp							
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị TP Đông Hà			5.000	Trung tâm bồi dưỡng chính trị TP Đông Hà		4.000	Công trình hoàn thành
2	Trường Cao đẳng kỹ thuật tỉnh Quảng Trị; Hàng mục: xây mới giảng đường đa năng, cải tạo và mở rộng nhà hiệu bộ, cải tạo khối phòng học	5.200	5.200		Trường Cao đẳng kỹ thuật tỉnh Quảng Trị; Hàng mục: xây mới giảng đường đa năng, cải tạo và mở rộng nhà hiệu bộ, cải tạo khối phòng học	24.414	5.200	Thay đổi tên và TMDT phù hợp với Nghị quyết phê duyệt CTĐT của tỉnh
3	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Cam Lộ	6.000			Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Cam Lộ	7.400		Thay đổi TMDT phù hợp với Nghị quyết phê duyệt CTĐT của huyện
II	Y tế, dân số và gia đình							
1	Quyết toán các công trình hoàn thành			2.500	Quyết toán các công trình hoàn thành		500	Giảm vốn đề bổ sung cho các công trình khởi công mới
2	Phòng khám Đa khoa khu vực Bồ Bàn	25.600	25.600	5.600	Phòng khám Đa khoa khu vực Bồ Bàn	25.600	1.320	Công trình hoàn thành
3	Sửa chữa một số hạng mục Trung tâm y tế huyện Hướng Hóa	650	650	500				Công trình hoàn thành
4	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Đa khoa tỉnh	7.000	7.000	7.000	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	74.500	56.500	Hợp nhất thành 01 dự án theo Chỉ thị 13/CT-TTg ngày 23/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản số 3661/BKHD-TT ngày 14/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5	Xây mới Khoa Y học cổ truyền và PHCN Trung tâm y tế huyện Triệu Phong	6.000	6.000	6.000				

THEO BÁO CÁO SỐ 76/BC-UBND NGÀY 12/5/2021				NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG				Lý do
TT	Danh mục dự án	TMDT		Dự kiến KH 2021-2025	Danh mục dự án	TMDT		
		Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP	
6	Khu nhà kỹ thuật và cải tạo sửa chữa các khoa phòng Bệnh viện Mắt	12.000	12.000	3.000				
7	Cải tạo, sửa chữa TTYT thành phố Đông Hà	4.000	4.000	4.000				
8	Xây dựng mở rộng Khoa Sản, Nhi - Bệnh viện đa khoa Khu vực Triệu Hải	7.000	7.000	7.000				
9	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Gio Linh	4.500	4.500	4.500				
10	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh	4.000	4.000	4.000				
11	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Hướng Hóa	7.000	7.000	7.000				
12	Xây mới khu xét nghiệm TTYT huyện Đakrông	3.000	3.000	3.000				
13	Hệ thống xử lý khí thải và cải tạo nhà làm việc trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	3.000	3.000	3.000				
14	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Cam Lộ	3.000	3.000	3.000				
15	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm y tế TX Quảng Trị	2.000	2.000	2.000				
16	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi	3.350	3.350	3.350				
17	Hỗ trợ đầu tư nâng cấp các trạm y tế xã							

Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện chuyên khoa Lao và Bệnh phổi; hạng mục: Xây mới khoa điều trị dịch bệnh nguy hiểm, nhà cầu nổi và cải tạo sửa chữa một số hạng

Hỗ trợ đầu tư nâng cấp các trạm y tế xã

Bổ sung hạng mục xây mới Khoa điều trị dịch bệnh nguy hiểm để phục vụ điều trị bệnh nhân COVID

Chi tiết danh mục dự án

THEO BÁO CÁO SỐ 76/BC-UBND NGÀY 12/5/2021				NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG				Lý do
TT	Danh mục dự án	TMĐT		Dự kiến KH 2021-2025	TMĐT		Dự kiến KH 2021-2025	
		Tổng số	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó: NSDP		
-	Huyện Vinh Linh (Vinh Thái, Vinh Khê)	8.000	8.000	8.000				
					4.200	4.000	4.000	
					4.200	4.000	4.000	
-	Huyện Hải Lăng (7 trạm y tế)	6.000	6.000	6.000				
					6.500	6.000	6.000	
-	Huyện Cam Lộ (Cam Nghĩa)	4.000	4.000	4.000				
					5.000	4.000	4.000	
-	Thành phố Đông Hà (Phường 2, Phường 4, Đông Giang, Đông Thanh)	8.000	8.000	8.000				
					9.000	8.000	8.000	
III	Công trình công cộng, phúc lợi xã hội							
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng		15.533	4.000		2.000	2.000	Giảm vốn để bổ sung cho các công trình khởi công mới
2	Hỗ trợ Sân vận động huyện Dakrông	5.000			6.000			Thay đổi TMĐT phù hợp với Nghị quyết phê duyệt CTĐT của huyện
3	Hỗ trợ Sân vận động huyện Hải Lăng	5.000			29.000			Thay đổi TMĐT phù hợp với Nghị quyết phê duyệt CTĐT của huyện
4					3.300	2.000	2.000	Nhu cầu cấp bách

Biểu số 01

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

 (Kèm theo Tờ trình số 136/TTTr-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2021 -2025	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	7.940.500	
A	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ	2.232.900	
I	Dự phòng (10%)	223.290	
II	Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định (Giáo dục - đào tạo và Khoa học - công nghệ)	491.150	Chi tiết tại biểu số 2
1	Giáo dục - đào tạo	446.500	Chiếm 20% tổng vốn
2	Khoa học công nghệ	44.650	Chiếm 2% tổng vốn
III	Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD-ĐT và KHCN)	536.480	
1	Nhiệm vụ quy hoạch	100.000	Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết
2	Ưu đãi đầu tư	10.000	
3	Đổi ứng các dự án án ODA	426.480	Chi tiết tại biểu số 3
IV	Đầu tư theo phân cấp quản lý	981.980	
1	Cấp tỉnh quản lý (60%)	589.188	Chi tiết tại biểu số 4
2	Cấp huyện quản lý (40%)	392.792	
-	Thành phố Đông Hà	32.187	
-	Thị xã Quảng Trị	27.501	Phân bổ theo Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2021-2025
-	Huyện Vĩnh Linh	44.287	
-	Huyện Hướng Hóa	56.310	
-	Huyện Gio Linh	43.477	
-	Huyện Đakrông	48.156	
-	Huyện Cam Lộ	37.275	
-	Huyện Triệu Phong	43.262	
-	Huyện Hải Lăng	41.684	
-	Huyện đảo Cồn Cỏ	18.653	
B	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT	5.400.000	Chi tiết tại biểu số 5
1	Cấp tỉnh quản lý	3.300.000	
2	Cấp huyện quản lý	2.100.000	
C	XỔ SỐ KIẾN THIẾT	200.000	Chi tiết tại biểu số 6
D	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	107.600	

Biểu số 2

TỔNG HỢP DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHỢ LÍNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Kèm theo Tờ trình số

136

/TT-UBND ngày

11

tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Trị

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT		
				Trong đó: NSDP				
TỔNG CỘNG								
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO				456.241	433.242	491.150	
I	Cấp tỉnh				361.735	345.735	446.500	
	<i>Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>				<i>125.775</i>	<i>125.775</i>	<i>47.940</i>	
-	Bổ trí vốn quyết toán						1.000	
-	Hội trường Sở Giáo dục và Đào tạo	TP Đông Hà	1.037,6m ²	19-21	2509/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	10.407	10.407	1.305
-	Trường THPT Cửa Việt, huyện Gio Linh	Gio Linh	15 phòng	16-18	2376a/QĐ-UBND 30/10/2015	45.500	45.500	12.244
-	Trường THPT Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	6.472m ²	19-21	949/QĐ-UBND ngày 02/05/2019	33.386	33.386	22.586
-	Nâng cấp và xây mới trường Mầm non Sao Mai, Đông Hà	Đông Hà	1.362,04m ²	18-20	2972/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	9.000	9.000	964
-	Nhà hiệu bộ Trường Cao đẳng Y tế	Đông Hà	913m ²	19-21	2511/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.000	7.000	1.000
-	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Hữu Thận	Triệu Phong	644m ²	18-20	2508/QĐ-UBND 30/10/2018	6.500	6.500	835

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMDT			Kế hoạch trung hạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP		
-	Trường THPT Nguyễn Huệ, Thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị		19-21	2008/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Tx Q. Trị	4.154	4.154	1.389	Hỗ trợ TX	
-	Nhà học thực hành trường THPT Thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	1.666m ²	20-22	1438/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	9.828	9.828	6.617		
*	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					235.960	219.960	219.960		
-	Trường THCS&THPT Cồn Tiên, huyện Gio Linh	Gio Linh	Nhà 3 tầng, dt 2.035m ²	21-23	100/NQ-HDND 9/12/2020	14.900	14.900	14.900		
-	Trường THCS&THPT Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, Hạng mục: Nhà học thực hành	Vĩnh Linh	Nhà 3 tầng, dt 2.013m ²	21-23	101/NQ-HDDND 09/12/2020	14.900	14.900	14.900		
-	Trường THPT Cam Lộ, Hạng mục: Nhà hiệu bộ và Nhà đa chức năng	Cam Lộ	NHB 972m ² , NDN 800m ²	22-24	42/NQ-HDND ngày 24/6/2021 của huyện CL	12.000	10.000	10.000		
-	Trang thiết bị dạy học trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Đông Hà	Thiết bị	22-24	Trình kỳ họp thứ 4 HDND tỉnh	4.000	4.000	4.000		
-	Trường THPT Triệu Phong, Hạng mục: Nhà chức năng, nhà học lý thuyết và thực hành	Triệu Phong	1.482m ²	22-24	67/NQ-HDND ngày 27/7/2021 của huyện TP	10.000	8.000	8.000		
-	Cải tạo nhà học đa năng Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị	Đông Hà	Cải tạo	22-24	Trình kỳ họp thứ 4 HDND tỉnh	3.550	3.550	3.550		
-	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị, Hạng mục: Xây mới Giảng đường đa năng, Cải tạo và mở rộng Nhà hiệu bộ, Cải tạo Khóit phòng học	Đông Hà	GDDN: 1.496 m ² ; NHB, PH	22-24	Trình kỳ họp thứ 4 HDND tỉnh	24.414	19.214	19.214	+ XSKT	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Ghi chú	
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSDP		
-	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	Toàn tỉnh	8 NĐN, 24 PTH, 3 NHB, 16 phòng TEKT, 1 TV	22-25	Trình kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh	104.896	104.896	104.896	
-	Trường trung cấp nghề giao thông vận tải Quảng Trị; hạng mục: Nhà hiệu bộ	Đông Hà	506m ²	22-24	Trình kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh	2.000	2.000	2.000	
-	Hỗ trợ phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú					45.300	38.500	38.500	
+	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Nhà nội trú	Vĩnh Linh	24 phòng	21-23	4193/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	11.000	9.000	9.000	
+	Trường PTDT bán trú Tiểu học Vĩnh Hà; Hạng mục: Nhà 2 tầng, 6 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	6 phòng học	23-25	19/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện VL	5.500	5.000	5.000	
+	Trường PTDT Nội trú Gio Linh; hạng mục: xây mới nhà ở nội trú, cải tạo sửa chữa nhà học 2 tầng và chỉnh trang khuôn viên	Gio Linh	XD mới 1.840m ² , Cải tạo 1.700m ²	22-24	15.1/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện GL	13.500	11.500	11.500	
+	Trường PTDT BT TH&THCS Hướng Lập, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Hướng Hóa	990m ²	23-25	Huyện phê duyệt	6.000	5.000	5.000	
+	Trường PTDT BT TH&THCS Ba Tầng, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Hướng Hóa	930m	23-25	Huyện phê duyệt	6.000	5.000	5.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSDP		
+	Trường PTDTBT THCS Tà Long, hạng mục: Nhà hiệu bộ	Dakrông	540m ²	23-25	18/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của huyện Dakrông	3.300	3.000	3.000	
2	Cấp huyện							178.600	
-	Huyện Hương Hóa							25.500	
-	Huyện Dakrông							21.900	
-	Huyện Cam Lộ							17.000	
-	Huyện Hải Lăng							19.000	
-	Huyện Triệu Phong							19.700	
-	Huyện Vĩnh Linh							20.200	
-	Huyện Gio Linh							19.700	
-	TX Quảng Trị							15.000	
-	TP Đông Hà							20.600	
II	KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ					94.506	87.507	44.650	
1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025					46.129	44.375	1.518	
-	Trạm ứng dụng Khoa học công nghệ Bắc Hương Hóa	Hương Hóa	150 ha	17-19	2756/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	19.129	19.129	1.100	
-	Thiết bị đo lường thử nghiệm phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa tại khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo	Hương Hóa	Thiết bị	16-16	2755/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	27.000	25.246	418	
2	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					48.377	43.132	43.132	
-	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh	Thiết bị	21-23	99/NQ-HĐND 9/12/2020 1338/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	25.616	22.500	22.500	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số	Trong đó: NSDP		
-	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 2)	Toàn tỉnh	Thiết bị	23-25	Trình kỳ họp thứ 4 HDND tỉnh	22.761	20.632	20.632	

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Trong đó: NSDP		
-	Dự án cấp nước xã Vĩnh Long, Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2.000 m ³ /ngày.đêm	2013-2015	1224/QĐ-UBND ngày 13/7/2010; 1013/QĐ-UBND ngày 28/5/2014	14.008	10.861	4.361	1.000	
2.5	Du lịch Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021									
-	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng; giai đoạn 2 - tiểu dự án Quảng Trị	Gio Linh	Bãi tắm công đồng; hệ thống xử lý nước thải, vệ sinh môi trường	2018-2024	1381/QĐ-TTg ngày 18/10/2018, 2484/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	258.111	41.068	41.068	39.137	
II	CÁC DỰ ÁN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025			21-25					150.000	Trình HĐND tỉnh giao danh mục các dự án ODA mới khi đảm bảo đủ điều kiện giao vốn

Biểu số 4
TỔNG HỢP DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI PHÂN CẤP DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 136 /TT-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
						Tổng số TMDT	Trong đó: NSDP		
1	TỔNG CỘNG	3		4	5	6	7	589.188 4.860	
I	HOÀN TRẢ ỨNG TRƯỚC					1.214.606	461.620		
-	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu ven biển Cầu Cam Hiếu							4.800	
II	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							20.000	
III	QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH							98.000	
IV	ĐẦU TƯ NGÀNH, LĨNH VỰC					1.214.606	461.620	373.580	
I	Quốc phòng					141.200	42.800	22.400	
	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>								
-	Nâng cấp mặt đường từ Sa Trầm xã Ba Nang đi Pa Lin xã A Vao (giai đoạn 2)	Dakrông	11,472 km	16-21	2375/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 1808/QĐ-UBND 12/7/2021	98.000	4.000	4.000	Đối ứng dự án NSTW
-	Công trình trận địa chiến đấu phòng không	MẬT	MẬT	20-21	MẬT	9.200	4.800	2.400	Hoàn thành
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>								
-	Đường hầm sơ chỉ huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mật danh: CH5-02) (giai đoạn 2)	Dakrông	MẬT	21-23	97/NQ-HBND 9/12/2020 66/QĐ-UBND 5/5/2021	31.000	31.000	13.000	+ Vốn đầu giá đất 18 tỷ đồng
-	Trường bán huyện Gio Linh	Gio Linh	1200 m2	21-22	20/NQ-HBND 25/11/2020 2513/QĐ-UBND 7/7/2021 của huyện GL	1.000	1.000	1.000	
-	Cơ sở khám chữa bệnh tại thôn Cù Bai, xã Hướng Lập, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	170 m2	21-22	95/NQ-HBND 9/12/2020 1213/QĐ-UBND 20/5/2021	2.000	2.000	2.000	

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT			Trong đó: NSDP
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025					22.900	22.700	12.780	
		Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	8038 m2	19-21	1711/QĐ-UBND ngày 10/7/2019	7.500	7.500	2.090
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	9984 m2	19-22	1071/QĐ-UBND 13/5/2019	10.000	10.000	5.490	Hoàn thành
-	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025								
-	Trụ sở công an xã Ba Tầng, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	377 m2	22-24	Trình kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh	3.000	3.000	3.000	
-	Nhà làm việc công an quân sự xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	118 m2	22-23	16/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện VL	1.300	1.200	1.200	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	90 m2	22-23	15/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện VL	1.100	1.000	1.000	+ Vốn NS huyện cân đối
3	Y tế, dân số và gia đình Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					93.500	34.000	34.000	
-	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Toàn tỉnh	6140 m2 + cải tạo, sửa chữa	23-26	Trình kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh	74.500	18.000	18.000	+ Vốn XSKT
-	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh - Hạng mục: Khoa chẩn đoán hình ảnh, Khoa truyền nhiễm	Vĩnh Linh	1988 m2	21-23	4599/QĐ-UBND 283/12/2020 của huyện VL	19.000	16.000	16.000	+ Vốn NS huyện cân đối
4	Văn hóa, thông tin Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025					98.922	53.000	50.000	
-	Nhà văn hóa huyện Gio Linh	Gio Linh	450 chỗ	20-22	3625/QĐ-UBND 30/10/2020 UBND huyện GL	32.240	15.000	14.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng (giai đoạn I)	Hải Lăng	2.857m2	20-22	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 UBND huyện HL	26.682	8.000	6.000	Hỗ trợ xây dựng huyện NTM
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025								

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT			Trong đó: NSDP
-	Đường vào khu di tích quốc gia Thành Tân Sở	Cam Lộ	5,66 km	23-25	40/NQ-HĐND ngày 5/7/2021 của huyện CL	20.000	10.000	10.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Nhà văn hóa trung tâm thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	3.600 m ²	22-24	11/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Tx QT	20.000	20.000	20.000	+ Vốn NS thị xã cân đối
5	Phát thanh, truyền hình, thông tin Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					19.000	19.000	19.000	
-	Đầu tư cơ sở vật chất đài truyền thanh cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	Thiết bị	22-24	Trình ký hợp thứ 4 HĐND tỉnh	15.000	15.000	15.000	
-	Nhà đất máy phát thanh, truyền hình tại Trung tâm truyền hình kỹ thuật số	Đồng Hà	435 m ²	22-23	Trình ký hợp thứ 4 HĐND tỉnh	4.000	4.000	4.000	
6	Bảo vệ môi trường Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					13.500	10.000	10.000	
-	Hệ thống tuyến ống dẫn nước thải cụm công nghiệp Diên Sanh	Hải Lăng	1.220m ³ /n ngày đêm	22-24	8b/NQ-HĐND ngày 23/6/2021	13.500	10.000	10.000	
7	Các hoạt động kinh tế					719.684	188.620	121.900	
7.1	Công nghiệp Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025					71.000	11.000	2.000	
-	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020	Toàn tỉnh	87 thôn	2014-2021	2393/QĐ-UBND 30/10/2014 842/QĐ-UBND 24/4/2017	71.000	11.000	2.000	
7.2	Giao thông Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025					551.466	130.120	77.300	
-	Nâng cấp hệ thống đường giao thông TX Quảng Trị	TX Quảng Trị	26 tuyến đường	18-22	1915/QĐ-UBND 12/7/2017 69/NQ-HĐND 10/11/2020	119.856	50.000	26.000	
-	Đường tránh lũ, cứu hộ và phát triển kinh tế phía Tây huyện Triệu Phong và phía Nam huyện Cam Lộ	Triệu Phong	8.200m	44521	247/QĐ-UBND 15/2/2011 1511/QĐ-UBND 22/7/2014	350.000	25.820	4.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT			Trong đó: NSDP
-	Nâng cấp hệ thống đường liên thôn xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	4373 m	19-21	1964/QĐ-UBND 29/7/2019	7.200	3.000	2.000	
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông	Đakrông	1530m	18-21	2513/QĐ-UBND 30/10/2018	19.060	9.000	3.000	
-	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025								
-	Đường giao thông liên thôn Mã Lai-Tân Pun, xã Hương Phùng, huyện Hương Hóa	Hương Hóa	2950m	22-24	Trình kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh	8.500	8.300	8.300	Đổi ứng của Đoàn 337/QK4
-	Đường Dương Văn An (kéo dài), thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ	Cam Lộ	2429 m	21-23	30/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện CL	27.000	16.000	16.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Hệ thống điện chiếu sáng khu vực nội thị thị trấn Gio Linh	Gio Linh	2969m	24-25	15/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện GL	4.850	3.000	3.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông (giai đoạn 2)	Đakrông	3,63 km	23-25	13/NQ-HĐND 30/6/2021 của huyện ĐK	15.000	15.000	15.000	
7.3	Khu công nghiệp và khu kinh tế					25.125	19.000	17.800	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025								
-	Xây dựng CSHT CCN Hải Chánh; hạng mục tuyến đường RD5	Hải Lăng	698 m	20-21	1588/QĐ-UBND ngày 23/6/2020	4.335	3.000	1.800	+ Vốn NS huyện cân đối
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025								
	Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Chánh	Hải Lăng	954,3 m	23-25	8c/NQ-HĐND ngày 23/6/2021 của huyện HL	13.000	10.000	10.000	+ Vốn NS huyện cân đối
	Hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp Hải Lệ, thị xã Quảng Trị (giai đoạn 1)	Quảng Trị	200m3/ ngày/đêm	22-24	12/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của TX Q. Trị	4.290	3.000	3.000	+ Vốn NS thị xã cân đối
	Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Cam Thành, huyện Cam Lộ	Cam Lộ	1145m	23-25	41/NQ-HĐND ngày 05/7/2021 của huyện CL	3.500	3.000	3.000	+ Vốn NS huyện cân đối
7.4	Thương mại					8.000	4.500	4.500	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025								
-	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Long, huyện Hương Hóa	Hương Hóa	132 lô quầy	22-24	50/NQ-HĐND 12/8/2021 của huyện HH	5.000	3.000	3.000	+ Vốn NS huyện cân đối

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSDP		
-	Chợ Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ	Cam Lộ	32 lô quầy	22-24	37/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện CL	3.000	1.500	1.500	+ Vốn NS huyện cân đối
7.5	Cấp nước, thoát nước Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					17.171	15.500	15.500	
-	Hệ thống cấp nước tập trung huyện đảo Côn Cò (giai đoạn 2)	Côn Cò	200m ³ / ngày đêm	21-23	08/NQ-HĐND 25/11/2020 của huyện CC	17.171	15.500	15.500	+ Vốn NS huyện cân đối
7.8	Công nghệ thông tin Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025					46.922	8.500	800	
-	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	Thiết bị	18-22	2782/QĐ-UBND 31/10/2017	46.922	8.500	800	Hoàn thành
7.9	Hỗ trợ doanh nghiệp Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025							4.000	
-	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Toàn tỉnh	Hỗ trợ	21-25				4.000	Hỗ trợ
10	Quản lý nhà nước Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025					105.900	91.500	91.500	
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên Môi trường	Đông Hà	4 tầng	20-21	2065/QĐ-UBND 29/7/2020	7.000	2.000	2.000	Hoàn thành
-	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025								
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Đông Hà	Cải tạo	21-22	96/NQ-HĐND 9/12/2020	2.500	2.500	2.500	
-	Trụ sở làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Trị	Đông Hà	2044 m2	21-23	28/NQ-HĐND 12/5/2021	30.000	30.000	30.000	
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ	Đông Hà	Cải tạo	22-23	Trình ký hợp thứ 4 HĐND tỉnh	2.500	2.500	2.500	
-	Sửa chữa trụ sở UBND tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	Cải tạo	22-24	Trình ký hợp thứ 4 HĐND tỉnh	30.000	30.000	30.000	
-	Hội trường Huyện ủy Cam Lộ	Cam Lộ	890 m2	22-24	39/NQ-HĐND 5/7/2021 của huyện CL	14.600	8.000	8.000	+ Vốn NS huyện cân đối

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSDP		
-	Trụ sở UBND xã Triệu Nguyên, huyện Đakrông	Dakrông	990,6 m2	22-24	37/NQ-HBND 29/7/2021 của huyện ĐK	7.300	6.500	6.500	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Hội trường huyện ủy, HBND, UBND huyện Đakrông	Dakrông	1236 m2	21-23	119/NQ-HBND 4/12/2020 của huyện ĐK	7.000	5.500	5.500	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Nhà công vụ huyện Đakrông	Dakrông	500 m2	23-24	15/NQ-HBND 30/6/2021 của huyện ĐK	5.000	4.500	4.500	+ Vốn NS huyện cân đối
II	Ngành, lĩnh vực khác								
-	Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại			21-25				12.000	
V	HBND TỈNH GIAO KHI ĐỦ ĐIỀU KIỆN							92.748	
-	Xây dựng điểm cơ sở A11 theo đường cơ sở đề tính chiều rộng lãnh hải trên vùng biển Việt Nam	Cồn Cỏ							
-	Hệ thống công sở các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh	Đông Hà							
-	Sửa chữa trụ sở làm việc chi nhánh Văn phòng đất đai các huyện	Toàn tỉnh							
-	Trụ sở Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	Đông Hà							
-	Hội trường Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh	Đông Hà							

Biểu số 05

TỔNG HỢP DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT

Kem theo Tờ trình số **136** /TT-UBND ngày **11** tháng **8** năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Trị

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
					Số quyết định	Tổng số			Trong đó: NSDP
TỔNG SỐ									
CẤP TỈNH QUẢN LÝ									
A	NGUỒN THU TỪ ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT Ở								
1	Do đặc địa chính và quỹ phát triển đất								
2	Bố trí các công trình phát triển quỹ đất								
a	Dự án chuyên tiếp								
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	30ha	2016-2021	2372/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1829/QĐ-UBND ngày 04/8/2016; 933/QĐ-UBND ngày 26/4/2019	251.951	251.951	62.000	Trong đó: trả nợ vốn vay 44 tỷ đồng
-	Đường Vành đai cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà (giai đoạn 1)	Đông Hà	5,178 Km	2011-2021	1433/QĐ-UBND ngày 05/08/2010; 3389/QĐ-UBND ngày 08/12/2017	189.127	158.708	5.000	
-	Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ	Đông Hà	5,43ha	2017-2022	2784/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 369/QĐ-UBND ngày 25/2/2019	56.078	56.078	2.000	
-	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Đông Hà	41,6ha	2020-2025	13/NQ-HĐND ngày 20/7/2019; 2985/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	443.876	443.876	385.000	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Mức đầu tư thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSDP		
-	Via hè các tuyến đường Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1	Đông Hà	26ha	2020-2023	68/NQ-HĐND ngày 10/11/2020; 213/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	7.900	7.900	4.800	
-	Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3	Đông Hà	78 ha	2011-2021	1609/QĐ-UBND ngày 05/8/2011; 2006/QĐ-UBND ngày 27/9/2007	334.014	334.014	7.000	
b	Dự án khởi công mới								
-	Khu đô thị Tân Vĩnh	Đông Hà	10ha	2021-2023	05/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	60.800	60.800	60.200	
-	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	Đông Hà	25ha	2022-2026	106/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	546.680	546.680	485.000	Giảm tiến độ do ưu tiên nguồn lực cho dự án trọng điểm
-	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà	Đông Hà	14,1ha	2021-2022	70/NQ-HĐND ngày 10/11/2020; 472/QĐ-UBND ngày 01/3/2021	18.476	18.476	18.000	
-	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ Khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	10 ha	2021-2022	06/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	22.270	22.270	22.000	
-	Công viên mini Phường 2, thành phố Đông Hà	Đông Hà	0,2ha	2020-2021	29/NQ-HĐND ngày 09/6/2020	7.300	7.300	6.500	
3	Bố trí cho các công trình phát triển KTXH khác					5.949.840	1.203.268	855.000	
a	Dự án chuyển tiếp								
-	Đường Trường Chinh, thành phố Đông Hà (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương)	Đông Hà	700m	19-21	2335/QĐ-UBND ngày 04/9/2019	14.893	14.893	4.500	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT			
					Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Điện chiếu sáng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ QL.9 đến đường Điện Biên Phủ)	Đông Hà	3,1km	20-21	7173/QĐ-UBND ngày 20/11/2019; 1966/QĐ-UBND ngày 23/7/2020	8.495	8.495	3.000	
-	Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến QL.9)	Đông Hà	0,7km	20-23	44/NQ-HBND ngày 06/12/2019; 2323/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	63.502	63.502	49.100	
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên Môi trường	Đông Hà	4 tầng	20-21	2065/QĐ-UBND 29/7/2020	7.000	7.000	1.000	+ NSCD
-	Cải tạo nhà khách Tỉnh uỷ Quảng Trị	Đông Hà	4671 m2	20-21	1131/QĐ-UBND ngày 05/5/2020	13.789	10.789	10.700	Hoàn trả vốn ứng trước 5 tỷ đồng
-	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc các Ban Đảng, nhà công vụ	Đông Hà	2785 m2	20-21	3495/UBND-TH ngày 03/8/2020	13.000	13.000	13.000	Hoàn trả vốn ứng trước 5,5 tỷ đồng
-	Đường và cầu Trung Yên, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	đường 750m cầu 86 m	18-21	2940/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	8.186	8.186	2.100	
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	DH, HH	02 đô thị	13-22	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 1073/QĐ-UBND 13/5/2019	2.446.067	216.645	150.447	Trong đó bao gồm hoàn trả Quỹ PT đất tỉnh 28 tỷ; hoàn trả ADB vốn ứng GPMB 100 tỷ
-	Cơ sở hạ tầng Khu Tài định cư Lao Bảo - Tân Thành (giai đoạn 2013-2015)	Hướng Hóa	san nền, đường	18-20	628/QĐ-UBND 31/3/2017	59.412	14.360	2.500	Thanh toán KLHT
-	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường trung tâm (thuộc dự án CSHT KCN Quán Ngang)	Gio Linh	1,7 km	2019-2020	3183/QĐ-UBND ngày 31/12/2018	5.818	800	800	Thanh toán KLHT
-	Hệ thống xử lý nước thải KCN Quán Ngang	Gio Linh	1500m3 /ngày đêm	2016-2021	614/QĐ-UBND ngày 29/6/2016; 6078/UBND-CN ngày 31/12/2020	104.000	4.000	3.200	Thanh toán KLHT

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT			
					Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Đường nối KCN Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (đường trung tâm trục dọc KKT Đông Nam, tỉnh Quảng Trị)	TP, HL	23 km	2017-2021	2986/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2163/QĐ-UBND ngày 19/8/2019; 1752/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	630.000	13.400	13.400	
-	Đường nối từ cầu Thạch Hàn đến trung tâm phường An Đôn, TX Quảng Trị	TP, QT	7,498,35 m	2018-2022	2514/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	80.000	50.000	45.000	
b	Dự án khởi công mới								
-	Hỗ trợ ưu đãi đầu tư	Toàn tỉnh		2021-2025				5.000	Hỗ trợ
-	Cầu Bến Lội, huyện Triệu Phong	TP	45m Cầu	2021-2023	1881/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	19.000	19.000	18.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Cầu qua sông Nhung và đường hai đầu cầu, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	398m; đường 810m	2021-2022	37/NQ-HDND ngày 02/12/2020	5.000	5.000	5.000	
-	Via hè đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà	Đông Hà	26510 m ²	2022-2024	93/NQ-HDND ngày 03/12/2020; 42/NQ-HDND ngày 25/6/2021	20.000	20.000	18.000	+ Vốn NS thành phố cân đối
-	Via hè đường Hùng Vương (đoạn từ Ngõ Quyền đến Lý Thường Kiệt)	Đông Hà	2,4km	2020-2021	11/NQ-HDND ngày 21/4/2020	14.900	14.900	14.900	
-	Công viên đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà	Đông Hà	5,0ha	2021-2024	Trình ký hợp thứ 4 HDND tỉnh	18.000	18.000	18.000	
-	Chợ Tân Liên, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	7364m ²	2020-2021	3234/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	7.000	2.000	1.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Cầu Kênh mới, xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	22,2 m	2020-2021	65/NQ-HDND ngày 10/11/2020	4.500	4.000	4.000	+ Vốn bảo trì đường bộ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT			
					Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Hoàn thiện hạ tầng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ đường NTT đến đường Điện Biên Phủ)	Đông Hà	2,4 km	2021-2024	103/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	9.860	9.860	9.500	
-	Tạo mặt bằng sạch tại thửa đất số 383 (154a), tờ bản đồ số 30 của bà Lê Thị Cúc, trú tại khu phố 2 phường Đông Lễ	Đông Hà	472 m ²	2021	487/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	2.200	2.200	2.200	
-	Đường nối từ cầu chui đường sắt (tại nút giao DT575a với quốc lộ 1) đi DT575b, huyện Gio Linh	Gio Linh	3253,2m	2021-2022	1036/QĐ-UBND ngày 20/4/2020	19.500	6.500	6.500	+ Vốn bảo trì đường bộ
-	Mô hình điểm trung chuyển rác, xử lý rác tại các xã thuộc địa bàn huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh, Triệu Phong	HL, TP, VL	20.400 m ²	2022-2024	Trình kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh	14.600	14.600	14.600	
-	Via hè và hệ thống thoát nước đường Trần Cao Vân, TP Đông Hà	Đông Hà	610 m	2022-2023	35/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	12.000	10.000	10.000	+ Vốn NS thành phố cân đối
-	Đường Trần Quang Khải nối dài (đoạn từ đường Hàn Mặc Tử đến đường Lê Thánh Tông)	Đông Hà	360 m	2022-2023	33/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	20.000	16.000	16.000	+ Vốn NS thành phố cân đối
-	Via hè và hệ thống thoát nước đường Lê Lợi, TP Đông Hà	Đông Hà	1730 m	2022-2023	34/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	19.000	16.000	16.000	+ Vốn NS thành phố cân đối
-	GPMB khu vực hồ nuôi tôm Lập Thạch, phường 2, thành phố Đông Hà	Đông Hà		2022		9.200	9.200	9.200	Hoàn trả tạm ứng
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	4960 m	2022-2024	11/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện VL	15.000	12.000	12.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Xây dựng lò đốt chất thải rắn sinh hoạt khu vực nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn và vùng lân cận	Gio Linh	750kg/h	2022-2024	Trình kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh	8.418	4.000	4.000	Đổi ứng Quỹ BVMT VN
-	Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông	Đakrông			Trình kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh	20.000	20.000	20.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT			
					Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Cầu kết nối khu đô thị Bắc sông Hiếu với trung tâm thành phố Đông Hà	Đông Hà	300 m	2020-2021	447/QĐ-UBND ngày 02/3/2018; 814/QĐ-UBND ngày 12/4/2019	334.000	25.000	11.553	Hoàn trả vốn ứng trước
-	Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ Khu A thuộc Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Vinh Linh	140,84ha	2014-2015	2244/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	12.465	12.465	3.900	Trả nợ KLHT
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT TM Đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)	Hương Hóa	20,95m	2016-2018	ngày 10/10/2014; 629/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	101.149	15.149	3.947	Thanh toán KLHT
-	Hệ thống tưới tiêu toàn tỉnh	Toàn tỉnh	18.500 ha	2016-2021	2385/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	104.742	44.742	8.000	Hoàn thành
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng (giai đoạn 1)	Hải Lăng	2.857m ²	2020-2021	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	37.400	15.533	6.000	Hỗ trợ xây dựng huyện NTM
b	Dự án khởi công mới								
-	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Toàn tỉnh		2021-2025				15.000	Hỗ trợ
-	Nâng cấp đường DH43 huyện Triệu Phong	Triệu Phong	4045 m	21-23	1989/QĐ-UBND 22/10/2020 của huyện TP	14.825	14.000	14.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Đường gom từ các lối từ mở đến đường ngang qua đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2022	Toàn tỉnh	72 trạm	2021-2023	1823/QĐ-UBND 09/7/2020	14.856	10.400	10.300	
-	Xây dựng hệ thống camera giám sát trật tự an toàn giao thông, kết hợp giám sát an ninh trật tự tại các khu vực trọng yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	1400 m	2021-2023	2631/QĐ-UBND 30/9/2019	14.997	5.000	5.000	
-	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt (đoạn Km1+784 - Km2+860), TP Đông Hà	Đông Hà	475,55 m	2021-2023	2631/QĐ-UBND 30/9/2019	5.000	5.000	5.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT			
					Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng)	Đông Hà	472,43m	2021-2023	91/NQ-HBND ngày 03/12/2020 3000/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của TP Đông Hà	24.000	20.000	17.000	+ Vốn NS thành phố cân đối
-	Chợ trung tâm khu vực Tà Rụt, huyện Đakrông	Đakrông	910 m2	2021-2022	120/NQ-HBND ngày 04/12/2020 2716/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của huyện Đakrông	5.000	3.000	3.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Khen thưởng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới	Cam Lộ	1668 m	2021-2022	52/NQ-HBND 24/6/2021 1444/QĐ-UBND 30/7/2021 của huyện CL	10.000	5.500	5.500	+ Vốn nông thôn mới 4,5 tỷ đồng
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	3061,68 m	2021-2023	3588/QĐ-UBND 03/12/2020 của huyện H.Hóa	12.000	9.100	9.100	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Đường hầm sơ chỉ huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, HBND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mãt danh: CH5-02) (giai đoạn 2)	Đakrông	MẬT	2021-2023	97/NQ-HBND 9/12/2020	31.000	31.000	18.000	+ Vốn NSTT 13 tỷ đồng
-	Kênh tiêu thoát nước Khu phố 3 phường An Đôn, TX Quảng Trị (liên kết với khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ)	Quảng Trị	945 m	2021-2023	89/NQ-HBND 03/12/2020 của Tx Q.Tri	5.000	5.000	5.000	
-	Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 9 đoạn từ quốc lộ 1A đến cảng Cửa Việt	Gio Linh	38,64 ha	2021-2022	10/NQ-HBND 10/3/2021	75.052	75.000	75.000	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
					Số quyết định	Tổng số TMDT			Trong đó: NSDP
2	Các công trình phát triển quỹ đất và phát triển KTXH khác						17.000		
a	Dự án chuyển tiếp								
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT TM Đặc biệt Lào Bảo (giai đoạn 2)	Hương Hóa	20,95m	2016-2018	629/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	101.149	15.149	4.900	Hoàn thiện một số công trình dở dang
-	Công chính KCN Quán Ngang	Gio Linh		2016-2017	2448/QĐ-UBND ngày 21/10/2014	5.748	1.000	1.000	Thanh toán KLHT
-	Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ Khu A thuộc Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Vĩnh Linh	140,84ha	2014-2015	2244/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	12.465	12.465	2.100	Thanh toán KLHT
b	Dự án khởi công mới								
-	Sau nên và hạ tầng thiết yếu tại khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay (giai đoạn 2)	Dakrông	Bãi xuất 2,45ha; bãi nhập 0,67 ha; đường GT, HTTN	2022-2025	94/NQ-HBND ngày 9/12/2020; 43/NQ-HBND ngày 12/5/2021; 1349/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	94.000	9.000	9.000	+ Vốn NSTW
B	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ						2.100.000		
1	Thành phố Đông Hà						750.000		
2	TX Quảng Trị						100.000		
3	Vĩnh Linh						385.000		
4	Hương Hóa						75.000		
5	Gio Linh						125.000		
6	Hải Lăng						300.000		
7	Triệu Phong						125.000		
8	Cam Lộ						200.000		
9	Dakrông						40.000		

Biểu số 6
TỔNG HỢP DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT
(Kèm theo Tờ trình số 125 /TT-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
						TMDT	Trong đó: NSDP		
I	TỔNG CỘNG					382.114	225.033	200.000	
	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP					82.414	55.400	38.340	
*	<i>Các dự án chuyên tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>					43.600	38.900	21.840	
-	Trường THPT Chê Lan Viên; hạng mục Nhà đa năng	Cam Lộ	Cải tạo, nâng cấp	19-20	774/QĐ-UBND, ngày 13/5/2019	5.500	5.500	1.500	Hỗ trợ đạt chuẩn NTM
-	Trường THPT Lê Thế Hiếu; hạng mục Nhà đa năng	Cam Lộ	Cải tạo, nâng cấp	19-20	848/QĐ-UBND, ngày 16/5/2019	4.500	4.500	1.500	Hỗ trợ đạt chuẩn NTM
-	Trường Tiểu học Càng, Hải Chánh	Hải Lăng	245,98 m2	19-20	3522/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.500	3.500	990	
-	Trường Tiểu học Triệu Sơn	Triệu Phong	Nhà 2 tầng 600m2	18-20	1836/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND huyện TP	5.000	4.000	500	
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị TP Đông Hà	Đông Hà	813,68 m2	19-21	2997/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	8.500	7.000	4.000	
-	Trường Tiểu học và THCS xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	1.245 m2	21-22	2558/QĐ-UBND 31/12/2020 của huyện TP	5.000	4.500	4.300	
-	Trường Mầm non Hải Thái, huyện Gio Linh	Gio Linh	6 phòng học	21-22	4382/QĐ-UBND 25/12/2020 của huyện GL	6.000	5.500	4.750	
-	Trường Tiểu học Hàm Nghi, TP Đông Hà. Hạng mục: Nhà hiệu bộ	Đông Hà	465 m2	21-22	3096/QĐ-UBND 31/12/2020 của Tp Đ. Hà	4.600	4.400	4.300	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số	Trong đó: NSDP		
*	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					38.814	16.500	16.500	
-	Trường Cao đẳng kỹ thuật tỉnh Quảng Trị; Hàng mục: Xây mới giảng đường đa năng, cải tạo và mở rộng nhà hiệu bộ, cải tạo khối phòng học	Đồng Hà	GDDN: 1.496 m ² ; NHB, PH	22-24	Trình kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh	24.414	5.200	5.200	+ Vốn NSCĐ
-	Trung tâm chính trị huyện Vĩnh Linh, hàng mục: Xây mới nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	2 tầng, HT 686m ²	21-23	14/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện VL	7.000	6.000	6.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Cam Lộ	Cam Lộ	Xây mới	23-25	44/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện CL	7.400	5.300	5.300	+ Vốn NS huyện cân đối
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH					147.000	126.600	102.160	
*	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					40.600	40.100	11.530	
-	Quyết toán các công trình hoàn thành							500	
-	Phòng khám Đa khoa khu vực Bồ Bàn	Triệu Phong	2.230m ²	17-19	2778/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	25.600	25.600	1.320	
-	Khoa y học nhiệt đới bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải	Quảng Trị	1.124 m ²	19-21	2757/QĐ-UBND 11//2018	9.000	9.000	4.410	
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Cam Lộ	Cam Lộ	353,5 m ²	20-22	2727/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện CL	6.000	5.500	5.300	
*	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					106.400	86.500	90.630	
-	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Toàn tỉnh	6140 m ² + cải tạo, sửa chữa	23-26	Trình kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh	74.500	56.500	52.630	+ Vốn NSCĐ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số	Trong đó: NSDP		
-	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện chuyên khoa Lao và Bệnh phổi; hạng mục: Xây mới khoa điều trị dịch bệnh nguy hiểm, nhà cầu nổi và cải tạo sửa chữa một số hạng mục khác	Đông Hà	Sửa chữa, xây mới	2022	Trình kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh	12.000	12.000	12.000	
-	Hỗ trợ đầu tư nâng cấp các trạm y tế xã								
+	Trạm y tế xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: xây mới nhà 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	420 m2	22-24	13/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện VL	4.200	4.000	4.000	Hỗ trợ đạt chuẩn NTM
+	Trạm y tế xã Vĩnh Khê, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: xây mới nhà 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	420 m2	23-25	12/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện VL	4.200	4.000	4.000	+ Vốn NS huyện cân đối
+	Nâng cấp các trạm y tế xã trên địa bàn huyện Hải Lăng (xã Hải Chánh, Hải Trường, Hải Quý, Hải Quế, Hải Định)	Hải Lăng	2384 m2	23-25	405/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của huyện HL	6.500	6.000	6.000	+ Vốn NS huyện cân đối
+	Trạm y tế xã Cam Nghĩa	Cam Lộ	460 m2	22-24	43/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện CL	5.000	4.000	4.000	+ Vốn NS huyện cân đối
+	Đầu tư, nâng cấp các trạm y tế trên địa bàn TP Đông Hà (Phường 2, Phường 4, Phường Đông Giang, Phường Đông Thanh)	Đông Hà	900 m2	23-25	36/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	9.000	8.000	8.000	+ Vốn NS Tp cân đối
III	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, PHÚC LỢI XÃ HỘI					152.700	43.033	29.500	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>					<i>108.400</i>	<i>25.533</i>	<i>12.000</i>	
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	Hải Lăng	Nhà 2.857m2	20-22	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 UBND huyện HL	37.400	15.533	2.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Nhà văn hóa huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	3.950 m2	21-23	4606/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện VL	71.000	10.000	10.000	+ Vốn NS huyện cân đối

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSDP		
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					44.300	17.500	17.500	
-	Hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng Khu di tích Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam	Cam Lộ	TN 1258 m; HTD 1086 m	21-23	2795/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện CL	6.000	5.500	5.500	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Hỗ trợ Sân vận động huyện Đakrông	Đakrông	7.140 m ²	21-23	2713/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện ĐK	6.000	5.000	5.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Hỗ trợ Sân vận động huyện Hải Lăng	Hải Lăng	7,7 ha	23-25	08a/NQ-HDND ngày 23/6/2021 của huyện HL	29.000	5.000	5.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Sửa chữa, nâng cấp công viên Lê Duẩn	Đông Hà	420m	22-23	41/NQ-HDND ngày 25/6/2021 của Tp D.Hà	3.300	2.000	2.000	+ Vốn NS Tp cân đối
IV	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới							30.000	
-	Huyện Hải Lăng							7.500	
-	Huyện Triệu Phong							7.500	Hỗ trợ các huyện đăng ký về đích theo
-	Huyện Vĩnh Linh							7.500	NQ DB huyện
-	Huyện Gio Linh							7.500	